

Số: 528.../QĐ-PVIBH

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy tắc bảo hiểm Toàn diện hộ gia đình

TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM PVI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Căn cứ Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/6/2022;
Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động của Tổng công ty Bảo hiểm PVI số 63 GP/KDBH ngày 28/6/2011 và các Giấy phép điều chỉnh do Bộ Tài chính cấp;
Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Bảo hiểm PVI ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-PVI ngày 10/06/2024 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần PVI;
Xét đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Nghiệp vụ Bảo hiểm,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này “**Quy tắc bảo hiểm Toàn diện hộ gia đình**”.
- Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Điều 3:** Các Phó Tổng giám đốc Tổng công ty, các Trưởng Ban, và Tổng giám đốc/Giám đốc các Công ty bảo hiểm trực thuộc Tổng công ty Bảo hiểm PVI chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT HĐTV (để b/cáo);
- KSV (T) (để biết);
- Lưu VT, QL BH, 2



Phạm Anh Đức

**QUY TẮC
BẢO HIỂM TOÀN DIỆN HỘ GIA ĐÌNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 528/QĐ-PVIBH ngày 05 tháng 7 năm 2024
của Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm PVI)

Trên cơ sở Người được bảo hiểm đã khai báo thông tin bảo hiểm và thanh toán phí bảo hiểm theo quy định cụ thể trong Giấy chứng nhận bảo hiểm, Bảo hiểm PVI sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm các tổn thất hay thiệt hại phát sinh đối với đối tượng được bảo hiểm xảy ra tại địa điểm được bảo hiểm và trong thời hạn bảo hiểm theo các quy định được nêu trong Quy tắc bảo hiểm này.

I. CÁC ĐỊNH NGHĨA CHUNG

Bảo hiểm PVI	là Tổng công ty Bảo hiểm PVI
Giấy chứng nhận bảo hiểm	là văn bản do Bảo hiểm PVI cấp cho Người được bảo hiểm trong đó tóm tắt các thông tin xác nhận bảo hiểm giữa Bảo hiểm PVI và Người được bảo hiểm trên cơ sở thông tin do Người được bảo hiểm cung cấp và tuân thủ theo các điều kiện của Quy tắc bảo hiểm này. Giấy chứng nhận bảo hiểm được phát hành dưới dạng bản giấy hoặc điện tử.
Bên mua bảo hiểm	là đại diện của hộ gia đình, từ đủ 18 tuổi trở lên vào thời điểm Hợp đồng bảo hiểm phát sinh hiệu lực và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Bên mua bảo hiểm là người yêu cầu bảo hiểm và thực hiện nghĩa vụ đóng phí bảo hiểm.
Người được bảo hiểm	là cá nhân có tên trong Hợp đồng bảo hiểm/ Giấy chứng nhận bảo hiểm, đáp ứng điều kiện tham gia bảo hiểm quy định tại Khoản 2.1 Mục 2 Phần II của Quy tắc bảo hiểm này và được hưởng quyền lợi theo Hợp đồng bảo hiểm/ Giấy chứng nhận bảo hiểm..
Người thụ hưởng bảo hiểm	là người được Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm chỉ định nhận các quyền lợi bảo hiểm theo thỏa thuận tại Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm hoặc là người thừa kế theo quy định của pháp luật trong trường hợp không có chỉ định.
Thời hạn bảo hiểm	là khoảng thời gian phạm vi bảo hiểm quy định trong Quy tắc Bảo hiểm này có hiệu lực, được quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo hiểm/ Giấy chứng nhận bảo hiểm và tối đa là 01 (một) năm.
Địa điểm được bảo hiểm	là địa điểm nơi Ngôi nhà được bảo hiểm được xây dựng. Địa điểm được bảo hiểm được ghi cụ thể trong Giấy chứng nhận bảo hiểm.

Ngôi nhà được bảo hiểm

là Ngôi nhà thuộc quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp của Người được bảo hiểm và là nơi cư trú, sinh sống của Người được bảo hiểm và các thành viên trong gia đình sống cùng Người được bảo hiểm nằm tại địa điểm được bảo hiểm và được ghi trong Giấy chứng nhận bảo hiểm. Ngôi nhà được bảo hiểm bao gồm khung kết cấu nhà, tường bao, mái che và hệ thống điện, nước, hệ thống mạng...

Ngôi nhà được bảo hiểm không bao gồm hoặc không phải là:

- Ngôi nhà đang thi công xây dựng hoặc sửa chữa;
- Ngôi nhà đang bị phá dỡ hoặc đang bị bỏ trống trong khi chờ phá dỡ trong vòng hơn 30 ngày trở lên;
- Nhà tạm, công trình tạm không phục vụ cho mục đích cư trú/sinh sống của người được bảo hiểm;
- Chuồng chăn nuôi gia súc, gia cầm, động vật khác.

Tài sản bên trong được bảo hiểm

là những đồ đạc, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ sinh hoạt gia đình thuộc sở hữu, chiếm hữu hoặc sử dụng hợp pháp của Người được bảo hiểm và các thành viên trong gia đình sống cùng Người được bảo hiểm tại Ngôi nhà được bảo hiểm và có trong Ngôi nhà được bảo hiểm trong Thời hạn bảo hiểm quy định. Bảo hiểm PVI chỉ có trách nhiệm bồi thường cho các Tài sản được liệt kê trong mục “Tài sản bên trong được bảo hiểm” nêu tại Phụ lục 1 đính kèm Quy tắc bảo hiểm này.

Tai nạn

là sự kiện bất ngờ, không lường trước được, ngoài ý muốn của Người được bảo hiểm, gây ra bởi một lực từ bên ngoài tác động lên thân thể Người được bảo hiểm và là nguyên nhân trực tiếp và duy nhất làm cho Người được bảo hiểm bị thương tật thân thể hoặc tử vong.

Thương tật thân thể

là những tổn thương thân thể gây ra bởi tai nạn, là hậu quả đầu tiên của tai nạn và không phải là hậu quả của tai nạn hoặc chấn thương trước đó và không phải là hậu quả của sự suy yếu thể lực, khuyết tật, quá trình thoái hóa hoặc bệnh tồn tại trước khi bắt đầu bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm này.

Thương tật tạm thời

là tình trạng mà Người được bảo hiểm bị thương tật không thể thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc hàng ngày của mình trong một khoảng thời gian nhất định

Thương tật toàn bộ vĩnh viễn

là thương tật thân thể do tai nạn gây ra làm cho Người được bảo hiểm bị cản trở hoàn toàn khi tham gia vào công việc của người đó hay bị mất hoàn toàn khả năng lao động trong bất kỳ loại lao động nào kéo dài suốt 12 tháng liên tục và không có khả năng tiến triển của

thương tật đó theo kết luận của bác sĩ hoặc Người được bảo hiểm bị thương tật thân thể vĩnh viễn từ 81% trở lên theo kết luận của hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

Thương tật bộ phận vĩnh viễn

là thương tật thân thể làm cho người được bảo hiểm vĩnh viễn mất đi chức năng hoạt động bình thường của một hay nhiều bộ phận của cơ thể. Việc xác định thương tật bộ phận vĩnh viễn theo kết luận của bác sĩ hoặc hội đồng giám định y khoa.

Theo quy định của Quy tắc bảo hiểm này, Thương tật toàn bộ vĩnh viễn và Thương tật bộ phận vĩnh viễn được liệt kê trong Phụ lục 2 - “Bảng tỉ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật” đính kèm Quy tắc này và chỉ được xác định sau khi điều trị tổn thương thân thể gây ra bởi thương tật đó đã kết thúc.

Mức khấu trừ

là số tiền tổn thất mà Người được bảo hiểm phải tự gánh chịu đối với mỗi tổn thất hoặc chuỗi tổn thất phát sinh từ cùng một nguồn gốc hoặc nguyên nhân.

Bảo hiểm PVI không có trách nhiệm bồi thường đối với tổn thất trong phạm vi Mức khấu trừ ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.

Mức khấu trừ này không áp dụng đối với các quyền lợi bảo hiểm tai nạn cá nhân.

Giới hạn bồi thường

là trách nhiệm tối đa của Bảo hiểm PVI trong trường hợp có tổn thất phát sinh thuộc phạm vi bảo hiểm và xảy ra trong thời hạn bảo hiểm quy định trong Giấy chứng nhận bảo hiểm.

II. QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN, ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM

1. Bảo hiểm thiệt hại vật chất ngôi nhà và tài sản bên trong

1.1. Phạm vi bảo hiểm

Bảo hiểm PVI sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm những tổn thất, thiệt hại bất ngờ, không lường trước được, trừ các trường hợp bị loại trừ theo Quy tắc bảo hiểm này đối với các tài sản được bảo hiểm, tại địa điểm được bảo hiểm do rủi ro Cháy gây ra.

1.2. Đối tượng bảo hiểm

Là các tài sản được nêu trong Danh mục Tài sản được bảo hiểm, bao gồm:

- Ngôi nhà;
- Tài sản bên trong được bảo hiểm.

Danh mục tài sản được bảo hiểm sẽ được quy định cụ thể trong Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.

1.3. Các điểm loại trừ bảo hiểm

- a Các chi phí, tổn thất hậu quả, trách nhiệm pháp lý hoặc những tổn thất và thiệt hại đối với tài sản trực tiếp hay gián tiếp gây ra bởi hay phát sinh từ:
 - Chiến tranh, hành động xâm lược, các hoạt động thù địch hay khiêu khích (dù có tuyên chiến hay không), bạo động, binh biến hay đảo chính;
 - Hành động khủng bố gây ra bởi một người hay nhiều người hành động thay mặt hay có liên quan đến bất kỳ tổ chức nào;
 - Hành động cố ý vi phạm pháp luật hoặc cố tình huỷ hoại tài sản của Người được bảo hiểm hay thành viên trong gia đình của Người được bảo hiểm.
- b Những tài sản không được bảo hiểm:
 - Tiền và giấy tờ có giá;
 - Tài sản nằm ngoài địa điểm được bảo hiểm;
 - Động vật (gia súc, gia cầm...), thực vật;
 - Hợp đồng, thỏa thuận cầm cố, thỏa thuận thế chấp, giấy vay nợ, tem, biên bản thương lượng, nữ trang, vàng bạc, đá quý hoặc các tài sản có tính chất tương tự;
 - Máy quay phim, máy ảnh, thẻ nhớ, USB, các loại tai nghe, thiết bị đeo tay;
 - Các vật dụng trang trí trong nhà như: tranh, ảnh, tượng, tác phẩm nghệ thuật ...;
 - Thảm (cố định hoặc không), giấy dán tường.
- c Những thiệt hại ngoài thiệt hại vật chất đối với đối tượng được bảo hiểm (bao gồm nhưng không giới hạn chi phí thuê nhà, thiệt hại do mất giảm doanh thu, thu nhập, các tổn hại về tinh thần, sức khỏe...).

1.4. Giới hạn bồi thường

Trong mọi trường hợp, Tổng số tiền bồi thường mà Bảo hiểm PVI có nghĩa vụ chi trả cho một sự cố và cả thời hạn bảo hiểm theo Giới hạn bồi thường của 01 (một) trong các chương trình bảo hiểm được lựa chọn quy định tại Phụ lục 01 được nêu cụ thể trong Giấy chứng nhận bảo hiểm nhưng không vượt quá chi phí sửa chữa, khắc phục thực tế của Ngôi nhà, tài sản được bảo hiểm bị tổn thất.

Bảo hiểm PVI sẽ không thực hiện đánh giá lại giá trị Ngôi nhà, tài sản tham gia bảo hiểm tại thời điểm xảy ra tổn thất.

1.5. Cơ sở bồi thường

Trong trường hợp tài sản được bảo hiểm bị phá hủy hoặc thiệt hại trong phạm vi của Quy tắc bảo hiểm này, Bảo hiểm PVI chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế để sửa chữa, thay thế hoặc khôi phục (nếu không thể sửa chữa được) một phần hoặc toàn bộ Ngôi nhà và/hoặc Tài sản bên trong bị phá hủy hoặc thiệt hại.

- a **Đối với phần Ngôi nhà:** Việc xây mới hoặc thay thế cho Ngôi nhà bị thiệt hại dựa trên nguyên tắc thay thế lại Ngôi nhà tương tự, cùng kích cỡ, tính năng và chủng loại nhưng không vượt quá Giới hạn bồi thường cho phần Ngôi nhà.
- b **Đối với Tài sản bên trong:** Bảo hiểm PVI sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm trên cơ sở sau:
 - Trường hợp Người được bảo hiểm chứng minh được đặc điểm, giá trị của tài sản được bảo hiểm bị tổn thất: Bảo hiểm PVI sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm chi phí thực tế để sửa chữa hoặc thay thế (trong trường hợp không thể sửa chữa được) một phần hoặc toàn bộ Tài sản bên trong được bảo hiểm.

Việc thay thế một phần hoặc toàn bộ Tài sản bên trong được bảo hiểm dựa trên nguyên tắc thay thế bộ phận hoặc tài sản tương tự, cùng chủng loại, cùng kích thước, cùng tính năng, vật liệu như khi còn mới nhưng không vượt quá Giới hạn bồi thường đối với từng tài sản được liệt kê trong danh mục Tài sản bên trong được bảo hiểm.

- Trường hợp Người được bảo hiểm không cung cấp đủ hồ sơ chứng minh hoặc xác định được đặc điểm, giá trị của tài sản được bảo hiểm bị tổn thất: Bảo hiểm PVI sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm tối đa không quá 50% Giới hạn bồi thường đối với từng tài sản được liệt kê trong danh mục Tài sản bên trong được bảo hiểm.

Tổng số tiền bồi thường cho các Tài sản bên trong được bảo hiểm bị tổn thất sẽ không vượt quá Giới hạn bồi thường của danh mục Tài sản bên trong được bảo hiểm.

2. Bảo hiểm Tai nạn cá nhân

2.1. Điều kiện tham gia bảo hiểm

Bảo hiểm PVI nhận bảo hiểm Tai nạn cá nhân cho tối đa 05 thành viên gia đình có cùng đăng ký thường trú hoặc tạm trú tại Địa điểm được bảo hiểm, từ đủ 01 tuổi đến 70 tuổi (tính theo lần sinh nhật gần nhất), loại trừ các đối tượng sau:

- Những người bị bệnh tâm thần;
- Những người bị tàn tật hoặc thương tật vĩnh viễn từ 80% trở lên.

2.2. Phạm vi bảo hiểm

Bảo hiểm PVI chi trả bảo hiểm trong trường hợp Người được bảo hiểm tử vong hoặc thương tật thân thể do tai nạn theo quy định tại Khoản 2.4 Mục 2 Phần II dưới đây.

Rủi ro được bảo hiểm phải xảy ra trong lãnh thổ Việt Nam và trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm.

2.3. Hiệu lực bảo hiểm

Bảo hiểm có hiệu lực kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm ghi trên Hợp đồng bảo hiểm/ Giấy chứng nhận bảo hiểm với điều kiện Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm đóng phí đầy đủ theo đúng thời hạn thanh toán trên Hợp đồng bảo hiểm/ Giấy chứng nhận bảo hiểm và phù hợp với quy định của pháp luật

2.4. Quyền lợi bảo hiểm

- a. Trường hợp Người được bảo hiểm bị tử vong do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm nêu tại Khoản 2.2 Mục 2 Phần II của Quy tắc bảo hiểm này, Bảo hiểm PVI sẽ chi trả toàn bộ số tiền bảo hiểm trên Hợp đồng bảo hiểm/ Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- b. Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật thân thể do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm nêu tại Khoản 2.2 Mục 2 Phần II của Quy tắc bảo hiểm này, Bảo hiểm PVI sẽ trả tiền bảo hiểm theo “Bảng tỉ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật” quy định tại Phụ lục 2 của Quy tắc bảo hiểm này.
- c. Trường hợp Người được bảo hiểm bị tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, trong vòng 365 ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn, Người được bảo hiểm bị tử vong do hậu quả của vụ tai nạn đó, Bảo hiểm PVI sẽ trả phần chênh lệch giữa số tiền bảo hiểm ghi trong Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm với số tiền Bảo hiểm PVI đã bồi thường trước đó.

- d. Trường hợp hậu quả của tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm bị trầm trọng hơn do bệnh tật hoặc tàn tật có sẵn của Người được bảo hiểm hoặc do điều trị thương tật không kịp thời theo chỉ định của bác sĩ hoặc không theo chỉ dẫn, chỉ định của bệnh viện/cơ sở y tế, thì Bảo hiểm PVI chỉ trả tiền bảo hiểm thương tật do hậu quả của tai nạn trước thời điểm bị trầm trọng hơn như đối với loại vết thương tương tự ở người có sức khỏe bình thường được điều trị một cách hợp lý.

2.5. Các điểm loại trừ bảo hiểm

Bảo hiểm PVI sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm cho người được bảo hiểm bị tử vong, thương tật thân thể trong các trường hợp sau:

- Người được bảo hiểm vi phạm pháp luật phải thụ án hình sự, vi phạm luật giao thông theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền, vi phạm quy chế an toàn lao động tại nơi làm việc theo kết luận của cơ quan, tổ chức nơi làm việc.
- Hành động cố ý của Người được bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng.

Trường hợp một hoặc một số người thụ hưởng cố ý gây ra cái chết hay thương tật vĩnh viễn cho Người được bảo hiểm, Bảo hiểm PVI vẫn trả tiền bảo hiểm cho những người thụ hưởng khác theo thỏa thuận trong HĐBH/ GCNBH.

- Bất kỳ tai nạn nào phát sinh hoặc là hậu quả của việc Người được bảo hiểm sử dụng rượu, bia, ma túy hoặc các chất kích thích, chất gây nghiện tương tự khác (trừ khi sử dụng thuốc hoặc chất gây mê theo chỉ dẫn của bác sĩ).

Đối với trường hợp tai nạn giao thông, thuật ngữ “sử dụng rượu bia” là trường hợp xét nghiệm máu thể hiện nồng độ cồn trong máu vượt quá mức cho phép theo quy định của Luật Giao thông đường bộ và các văn bản hướng dẫn.

- Người được bảo hiểm tham gia đánh nhau, trừ khi được xác định đó là hành động tự vệ.
- Cảm đột ngột, trúng gió, ốm đau, bệnh tật, thai sản, bệnh nghề nghiệp, những hậu quả trong quá trình điều trị ốm đau, bệnh tật và thai sản.
- Ngộ độc thức ăn, đồ uống hoặc trúng chất độc các loại theo kết luận của bác sĩ điều trị.
- Thương tật thân thể hoặc tử vong có nguyên nhân trực tiếp từ việc điều trị hoặc sử dụng thuốc không theo chỉ định của bác sĩ.
- Động đất, núi lửa, sóng thần, nhiễm phóng xạ, hạt nhân, ô nhiễm hóa học hoặc các hóa chất chứa độc tố hay ảnh hưởng của các vụ nổ do vũ khí.
- Tham gia các hoạt động hàng không (trừ khi với tư cách là hành khách trên các chuyến bay có giấy phép hoạt động hợp pháp và có lịch trình bay thương mại), các cuộc diễn tập, huấn luyện quân sự, tham gia chiến đấu của các lực lượng vũ trang.
- Chiến tranh, nội chiến, đình công, nổi loạn, bạo động, khủng bố theo công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Người được bảo hiểm mất tích.
- Người được bảo hiểm đột tử hoặc tử vong không rõ nguyên nhân.
- Người được bảo hiểm bị thương tật thân thể hoặc tử vong có nguyên nhân trực tiếp từ việc tham gia tập luyện và thi đấu các môn thể thao chuyên nghiệp; tham gia các

hoạt động đua; tham gia các hoạt động nguy hiểm bao gồm khảo sát, thám hiểm, khám phá hang động, trượt tuyết, nhào lộn trên không, nhảy dù, đi săn bằng ngựa, leo bộ lên độ cao trên 5000m so với mặt nước biển, các hoạt động dưới nước có sử dụng mặt nạ thở; tham gia phá hủy các công trình xây dựng, làm việc dưới hầm mỏ, đóng phim.

- Bất kỳ điều trị, biên chứng/ hậu quả nào của tai nạn xảy ra trước thời hạn bảo hiểm.

2.6. Nguyên tắc trung thực

- Người được bảo hiểm (hoặc đại diện của Người được bảo hiểm nếu Người được bảo hiểm dưới 18 tuổi) có trách nhiệm kê khai đầy đủ và trung thực tất cả các thông tin liên quan đến Người được bảo hiểm và Hợp đồng bảo hiểm và chịu trách nhiệm về tất cả các thông tin đã cung cấp cho Bảo hiểm PVI.
- Khi yêu cầu chi trả bảo hiểm, Người được bảo hiểm (hoặc đại diện của Người được bảo hiểm) có nghĩa vụ thu thập và cung cấp thông tin, chứng từ, tài liệu làm cơ sở giải quyết bồi thường một cách trung thực, chính xác, kịp thời và đầy đủ cho Bảo hiểm PVI, đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bảo hiểm PVI kiểm tra, xác minh rủi ro khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra.
- Bảo hiểm PVI có quyền hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm và/hoặc từ chối chi trả bảo hiểm khi Người được bảo hiểm cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết Hợp đồng bảo hiểm hoặc để được trả tiền bảo hiểm.

3. Bảo hiểm trách nhiệm của Người được bảo hiểm đối với trường hợp tử vong/thương tật thân thể của bên thứ ba khi Ngôi nhà được bảo hiểm phát sinh rủi ro Cháy.

3.1. Quyền lợi bảo hiểm

Bảo hiểm PVI sẽ thanh toán cho Người được bảo hiểm số tiền mà Người được bảo hiểm có trách nhiệm pháp lý phải bồi thường trong trường hợp bên thứ ba tử vong hoặc thương tật thân thể do rủi ro Cháy gây ra trong suốt thời hạn bảo hiểm và tại địa điểm được bảo hiểm.

3.2 Các điểm loại trừ bảo hiểm

Bảo hiểm PVI không chịu trách nhiệm đối với các khiếu nại phát sinh bởi:

- Hành động cố ý hoặc biết trước hậu quả có thể xảy ra nhưng vẫn thực hiện của Người được bảo hiểm hoặc các thành viên trong gia đình của Người được bảo hiểm và sống trong Ngôi nhà của Người được bảo hiểm.
- Tử vong hoặc thương tật thân thể của các thành viên trong gia đình đã được bảo hiểm theo Quyền lợi bảo hiểm Tai nạn cá nhân quy định tại Khoản 2.4 Mục 2 Phần II Quy tắc bảo hiểm này.

3.3. Cơ sở chi trả bảo hiểm

Áp dụng theo nguyên tắc chi trả bảo hiểm nêu tại Khoản 2.4 Mục 2 Phần II của Quy tắc bảo hiểm này.

3.4. Nguyên tắc chi trả bảo hiểm liên quan đến trường hợp tử vong/thương tật thân thể đối với người

Trường hợp xảy ra Cháy tại địa điểm được bảo hiểm và phát sinh rủi ro tử vong/thương tật thân thể đối với người, Bảo hiểm PVI chi trả bảo hiểm cho Người

được bảo hiểm theo Quyền lợi bảo hiểm Tai nạn cá nhân quy định tại Khoản 2.4 Mục 2 Phần II, tối đa 05 thành viên gia đình. Đối tượng bảo hiểm theo quy định tại Mục 3 Phần II sẽ được xem xét chi trả bảo hiểm theo Giới hạn trách nhiệm/vụ còn lại của Quyền lợi bảo hiểm Tai nạn cá nhân.

III. CÁC ĐIỀU KIỆN CHUNG

Quy tắc bảo hiểm, các Phụ lục đính kèm Quy tắc bảo hiểm này là bộ phận không thể tách rời của Giấy chứng nhận bảo hiểm. Nghĩa của bất cứ từ ngữ nào trong Quy tắc bảo hiểm này hay Giấy chứng nhận bảo hiểm sẽ không thay đổi khi nó xuất hiện ở bất kỳ văn bản nào khác liên quan đến bảo hiểm này.

1. Hồ sơ yêu cầu bồi thường

1.1. Thủ tục yêu cầu bồi thường

Trường hợp xảy ra sự cố Cháy, Người được bảo hiểm có trách nhiệm:

- Thông báo bằng điện thoại hoặc gửi email, tin nhắn, tin nhắn Viber/Zalo đến Bảo hiểm PVI trong vòng 72 giờ kể từ thời điểm xảy ra tổn thất (ngoại trừ trường hợp bất khả kháng). Sau thời gian quy định nêu trên, Bảo hiểm PVI có quyền từ chối bồi thường một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường thuộc phạm vi bảo hiểm của quy tắc này.
- Khai báo đến Bảo hiểm PVI chi tiết về tất cả các loại hình bảo hiểm khác đối với tài sản được bảo hiểm (nếu có).
- Người được bảo hiểm phải trình báo và có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- Phối hợp với Bảo hiểm PVI trong việc làm rõ tình huống tổn thất, nguyên nhân tổn thất, và cung cấp những tài liệu liên quan đến tổn thất mà Bảo hiểm PVI có thể yêu cầu một cách hợp lý (nếu có).

1.2. Thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm

Thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm là một (01) năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm.

1.3. Hồ sơ yêu cầu bồi thường

- Giấy yêu cầu bồi thường theo hướng dẫn của Bảo hiểm PVI trong đó liệt kê rõ số tiền yêu cầu bồi thường đối với từng hạng mục và tổng số tiền yêu cầu bồi thường.
- Hồ sơ chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền chiếm hữu hoặc quyền sử dụng đối với Ngôi nhà được bảo hiểm và/hoặc tính hiện hữu của Tài sản bên trong được bảo hiểm trước thời điểm xảy ra tổn thất (nếu Bảo hiểm PVI có yêu cầu).
- Phương án khắc phục đối với các hạng mục bị thiệt hại, các báo giá khắc phục hoặc thay thế các hạng mục bị tổn thất trong trường hợp Người được bảo hiểm tiến hành khắc phục.
- Đối với Tài sản bên trong được bảo hiểm bị tổn thất hoặc thiệt hại thuộc phạm vi bảo hiểm, nhưng không thể kiểm đếm hoặc xác định được trong quá trình đánh giá tổn thất thì Người được bảo hiểm phải cung cấp hồ sơ chứng minh sự tồn tại/hiện hữu của tài sản đó trong vòng 30 ngày kể từ thời điểm xảy ra tổn thất để Bảo hiểm

PVI xem xét. Trường hợp không có hồ sơ chứng minh trong thời hạn 30 ngày, Bảo hiểm PVI sẽ thực hiện việc giải quyết bồi thường tổn thất theo mục 1.5 (b) Phần II - Cơ sở bồi thường.

- Đối với yêu cầu bồi thường cho trường hợp thương tật thân thể/ tử vong do tai nạn của Người được bảo hiểm và trách nhiệm của Người được bảo hiểm đối với trường hợp tử vong/thương tật thân thể của bên thứ ba khi Ngôi nhà được bảo hiểm phát sinh rủi ro Cháy, bổ sung các chứng từ:
 - Biên bản tai nạn có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc công an nơi Người được bảo hiểm bị tai nạn;
 - Bản gốc hoặc bản sao hợp lệ của Giấy chứng tử và văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp theo quy định của pháp luật (trường hợp Người được bảo hiểm tử vong);
 - Bản gốc hoặc bản sao hợp lệ các chứng từ y tế: Giấy ra viện, phiếu điều trị (trường hợp điều trị nội trú), phiếu mổ hoặc thông tin về phương pháp phẫu thuật trên báo cáo y tế, giấy ra viện (trường hợp có phẫu thuật), sổ khám bệnh/ giấy khám bệnh, phiếu chỉ định và kết quả của các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, đơn thuốc (trường hợp điều trị ngoại trú).
 - Bản sao hợp lệ của Thẻ Căn cước công dân/ Chứng minh nhân dân và các giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú phù hợp quy định của pháp luật hiện hành.
 - Các giấy tờ khác có liên quan đến việc trả tiền bảo hiểm theo yêu cầu của Bảo hiểm PVI phù hợp với quy định của pháp luật.

1.4. Chi trả tiền bảo hiểm

Bảo hiểm PVI có trách nhiệm xem xét, giải quyết và trả tiền bảo hiểm trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ yêu cầu bồi thường hợp lệ.

Số tiền bồi thường được trả cho Người được bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng bảo hiểm.

2. Quyền của Bảo hiểm PVI

Khi xảy ra tổn thất hoặc thiệt hại đối với bất kỳ tài sản được bảo hiểm nào theo Quy tắc bảo hiểm này, Bảo hiểm PVI có quyền:

- Kiểm tra những tài sản bị tổn thất, phân loại, sắp đặt, di chuyển hoặc thực hiện các biện pháp xử lý nhằm mục đích xác định mức độ thiệt hại đối với những tài sản đó;
- Không thu hồi tài sản bị tổn thất hoặc thiệt hại trong trường hợp xác định tài sản đó không thể sửa chữa được hoặc tài sản được đánh giá là tổn thất toàn bộ.

Trong bất kỳ trường hợp nào, Người được bảo hiểm cũng không có quyền từ bỏ tài sản bị tổn thất thuộc phạm vi của Quy tắc bảo hiểm này mà không có sự chấp thuận của Bảo hiểm PVI.

3. Thế quyền

Người được bảo hiểm có trách nhiệm đảm bảo quyền thu đòi trách nhiệm bên thứ ba cho Bảo hiểm PVI và Bảo hiểm PVI có quyền được thế quyền từ Người được bảo hiểm/Người thụ hưởng theo Quy tắc Bảo hiểm này ngay sau khi Bảo hiểm PVI đã chi trả hoặc phục hồi mất mát, thiệt hại theo Quy tắc bảo hiểm này.

4. Mất quyền lợi bảo hiểm

Người được bảo hiểm sẽ bị mất mọi quyền lợi bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm này nếu việc khiếu nại bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm này là gian lận ở bất kỳ khía cạnh nào hoặc nếu có bất kỳ sự khai báo sai sự thật nào nhằm chứng minh căn cứ cho khiếu nại bảo hiểm đó, hoặc Người được bảo hiểm hay người đại diện của Người được bảo hiểm sử dụng bất kỳ hành động gian lận nào để trục lợi theo Quy tắc bảo hiểm này.

5. Bảo hiểm trùng

Nếu tại thời điểm xảy ra thiệt hại được bồi thường theo Quy tắc bảo hiểm này, tài sản bị phá hủy hay hư hại được bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm này cũng được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm khác ký kết bởi Người được bảo hiểm hay người đại diện của Người được bảo hiểm, thì trách nhiệm của Bảo hiểm PVI sẽ chỉ giới hạn ở phần tổn thất phân bổ theo tỷ lệ đối với thiệt hại đó. Nội dung này không áp dụng đối với phần Bảo hiểm Tai nạn cá nhân.

6. Hủy bỏ bảo hiểm

- Người được bảo hiểm có thể đơn phương chấm dứt hiệu lực bảo hiểm bằng cách gửi thông báo bằng văn bản đến Bảo hiểm PVI. Giấy chứng nhận bảo hiểm sẽ chấm dứt vào ngày Bảo hiểm PVI nhận được văn bản thông báo chấm dứt hiệu lực bảo hiểm hoặc ngày bắt đầu chấm dứt hiệu lực bảo hiểm theo yêu cầu Người được bảo hiểm, tùy thuộc thời điểm nào đến sau.
- Bảo hiểm PVI cũng có quyền đơn phương chấm dứt hiệu lực bảo hiểm bằng cách gửi văn bản thông báo theo địa chỉ mới nhất của Người được bảo hiểm. Hiệu lực bảo hiểm sẽ chấm dứt sau bảy (07) ngày kể từ ngày Người được bảo hiểm nhận được thông báo chấm dứt hiệu lực bảo hiểm theo dấu của bưu điện hoặc ngày ký nhận bưu phẩm trên phiếu dịch vụ chuyển phát nhanh.
- Bảo hiểm PVI sẽ hoàn lại cho Người được bảo hiểm phần phí bảo hiểm của thời gian còn lại sau khi đã khấu trừ phần phí bảo hiểm cho khoảng thời gian đã được bảo hiểm theo tỷ lệ số ngày đã bảo hiểm/365 ngày với điều kiện tới thời điểm chấm dứt bảo hiểm chưa có hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm nào được Bảo hiểm PVI chấp nhận (trừ các hồ sơ bị từ chối trả tiền bảo hiểm).

7. Luật pháp áp dụng và Giải quyết tranh chấp

- Luật áp dụng đối với các nội dung của Quy tắc này là Luật Việt Nam.
- Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng bảo hiểm là ba (03) năm, kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.
- Mọi tranh chấp giữa Bảo hiểm PVI và Người được bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm này trước hết được giải quyết trên cơ sở thương lượng. Nếu hai bên không giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp đó sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo luật pháp Việt Nam.



Phụ lục 1

BẢNG QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ BIỂU PHÍ

(Đính kèm và là một bộ phận của Quy tắc Bảo hiểm Toàn diện Hộ gia đình ban hành theo Quyết định số 528/QĐ-PVIBH ngày 05/1/2024 của Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm PVI)

Đơn vị tiền tệ: VND

CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM
I. Bảo hiểm thiệt hại vật chất ngôi nhà và tài sản bên trong	
1. NGÔI NHÀ	
Giới hạn bồi thường	55.000.000
2. TÀI SẢN BÊN TRONG ĐƯỢC BẢO HIỂM	
Giới hạn bồi thường	10.000.000
- Tivi	1.000.000/thiết bị
- Đầu thu kỹ thuật số, đầu DVD, VCD, đầu phát HD)	500.000/thiết bị
- Thiết bị âm thanh (dàn âm thanh, loa, máy cassette, đầu CD, Ampli)	1.000.000/thiết bị
- Máy vi tính (đế bàn, xách tay để trong nhà)	1.000.000/thiết bị
- Điều hòa	1.000.000/thiết bị
- Quạt điện (treo tường, quạt trần, quạt cây, quạt bàn)	500.000/thiết bị
- Tủ lạnh, cây nước nóng-lạnh	500.000/thiết bị
- Thiết bị nhà bếp (Bếp gas, bếp điện, bếp từ, bếp hồng ngoại, lò vi sóng, lò nướng, nồi cơm điện, nồi hầm điện, ổ điện, phích điện)	500.000/thiết bị
- Máy giặt, máy sấy quần áo	1.000.000/thiết bị
- Bình nước nóng, Máy lọc nước	500.000/thiết bị
- Điện thoại di động	1.000.000/thiết bị
- Bộ bàn ghế (phòng khách, phòng ăn, bàn ghế học tập)	1.000.000/Bộ
- Tủ gỗ, tủ kính, tủ sách, tủ sắt, tủ bếp, tủ đựng giày dép	1.000.000/Bộ
- Giường ngủ	1.000.000/Bộ
Tỉ lệ phí bảo hiểm (chưa bao gồm VAT)	0,03%
Phí bảo hiểm (đã bao gồm VAT) (1)	21.500
II. Bảo hiểm tai nạn cá nhân	
Tử vong và thương tật thân thể	10.000.000/người
Tỉ lệ phí bảo hiểm	0,154%

CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM
Phí bảo hiểm/người	15.400
Phí bảo hiểm/hộ (tối đa 5 người/hộ) (2)	77.000
III. Bảo hiểm trách nhiệm của Người được bảo hiểm đối với trường hợp tử vong/thương tật thân thể của bên thứ ba khi Ngôi nhà được bảo hiểm phát sinh rủi ro cháy	
Giới hạn trách nhiệm	10.000.000/người
Tổng giới hạn bồi thường về người/vụ (bao gồm phần II+III)	50.000.000
Tổng phí bảo hiểm (1+2)	98.500

Mức khấu trừ: 3.000.000 VND/vụ (Không áp dụng với Quyền lợi Bảo hiểm Tai nạn cá nhân và Bảo hiểm trách nhiệm).

Phụ lục 2
BẢNG TỶ LỆ TRẢ TIỀN BẢO HIỂM THƯƠNG TẬT

(Đính kèm và là một bộ phận của Quy tắc Bảo hiểm Toàn diện Hộ gia đình ban hành theo Quyết định số 528/QĐ-PVIBH ngày 05/7/2024 của Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm PVI)

THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ

1. Mù hoặc mất hoàn toàn hai mắt 100%
2. Rối loạn tâm thần hoàn toàn không thể chữa được 100%
3. Hông toàn bộ chức năng nhai và nói 100%
4. Mất hoặc liệt hoàn toàn 2 tay (từ vai hoặc khuỷu xuống) hoặc 2 chân (từ háng hoặc đầu gối xuống) 100%
5. Mất cả 2 bàn tay hoặc 2 bàn chân, hoặc mất 1 cánh tay và 1 bàn chân, hoặc mất 1 cánh tay và 1 cẳng chân, hoặc 1 bàn tay và 1 cẳng chân, hoặc 1 bàn tay và 1 bàn chân 100%
6. Cắt toàn bộ 1 bên phổi và 1 phần phổi bên kia 100%
7. Mất hoàn toàn khả năng lao động mà không thể làm bất cứ việc gì (toàn bộ bị tê liệt, bị thương dẫn đến tình trạng nằm liệt giường hoặc dẫn đến tàn tật toàn bộ vĩnh viễn) .. 100%

THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN

Chi Trên

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

8. Mất 1 cánh tay từ vai xuống (tháo khớp vai) 80%
9. Cắt cụt cánh tay từ dưới vai xuống 75%
10. Cắt cụt 1 cánh tay từ khuỷu xuống (tháo khớp khuỷu) 70%
11. Mất trọn 1 bàn tay hoặc cả 5 ngón tay 65%
12. Mất đồng thời cả 4 ngón tay (trừ ngón cái) 45%
13. Mất đồng thời cả ngón cái và ngón trỏ 40%
14. Mất 3 ngón 3 - 4 - 5 32%
15. Mất ngón cái và 2 ngón khác 37%
16. Mất ngón cái và 1 ngón khác 32%
17. Mất ngón trỏ và 2 ngón khác 37%
18. Mất ngón trỏ và 1 ngón giữa 32%
19. Mất trọn ngón cái và đốt bàn 27%
- Mất trọn ngón cái 22%
- Mất cả đốt ngoài 12%
- Mất ½ đốt ngoài 8%
20. Mất ngón trỏ và đốt bàn 22%
- Mất ngón trỏ 20%
- Mất 2 đốt 2 và 3 10%
- Mất đốt 3 9%
21. Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn (cả đốt bàn) 20%
- Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn 17%
- Mất 2 đốt 2 và 3 10%
- Mất đốt 3 5%
22. Mất cả ngón út và đốt bàn 17%

- Mất cả ngón út.....	12%
- Mất 2 đốt 2 và 3.....	9%
- Mất đốt 3	5%
23. Cứng khớp bả vai	30%
24. Cứng khớp khuỷu tay	30%
25. Cứng khớp cổ tay	30%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

26. Gãy tay can lệch hoặc mất xương làm chi ngắn trên 3 cm và chức năng quay sấp ngửa hạn chế hoặc tạo thành khớp giả	30%
27. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường... 15%	15%
28. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động khớp vai	30%
29. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	25%
30. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động khớp vai. 40%	40%
31. Gãy xương cánh tay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....	15%
32. Gãy xương cánh tay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....	25%
33. Gãy xương cánh tay, không phẫu thuật, can xấu, teo cơ.....	25%
34. Gãy xương cánh tay, có phẫu thuật, can xấu, teo cơ.....	30%
35. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....	12%
36. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....	18%
37. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa	20%
38. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa	25%
39. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	10%
40. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....	15%
41. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa.....	15%
42. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa	20%
43. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, di chứng khớp giả 2 xương	25%
44. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, di chứng khớp giả 2 xương.....	35%
45. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, di chứng khớp giả 1 xương	15%
46. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, di chứng khớp giả 1 xương.....	25%
47. Gãy đầu dưới xương quay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	10%
48. Gãy đầu dưới xương quay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....	14%
49. Gãy đầu dưới xương quay, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay	15%
50. Gãy đầu dưới xương quay, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay.....	18%
51. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	8%
52. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	10%
53. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay	12%
54. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay	15%
55. Gãy xương cổ tay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....	10%
56. Gãy xương cổ tay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....	13%
57. Gãy xương cổ tay, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay.....	15%
58. Gãy xương cổ tay, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay	18%
59. Gãy xương đốt bàn (tùy mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tăng thêm tương ứng 2%)	8 - 16%
60. Gãy xương đòn, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	8%

61. Gãy xương đòn, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	12%
62. Gãy xương đòn không phẫu thuật, can gò, cứng vai	18%
63. Gãy xương đòn, có phẫu thuật, can gò, cứng vai	25%
64. Gãy xương đòn, không phẫu thuật, có chèn ép thần kinh mũ vai	30%
65. Gãy xương đòn, có phẫu thuật, có chèn ép thần kinh mũ vai	35%
66. Gãy xương bả vai, gãy vỡ, khuyết phần thân xương, không phẫu thuật.....	10%
67. Gãy xương bả vai, gãy vỡ, khuyết phần thân xương, có phẫu thuật	15%
68. Gãy xương bả vai, gãy vỡ ngành ngang, không phẫu thuật	17%
69. Gãy xương bả vai, gãy vỡ ngành ngang, có phẫu thuật	22%
70. Gãy xương bả vai, gãy vỡ phần khớp vai, không phẫu thuật	30%
71. Gãy xương bả vai, gãy vỡ phần khớp vai, có phẫu thuật	40%
72. Gãy xương ngón tay (tùy mức độ từ 1 đến nhiều ngón, mỗi ngón tăng thêm tương ứng 3%)	3 - 12%

Chi Dưới

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

73. Mất 1 chân từ háng xuống (tháo khớp háng 1 đùi)	80%
74. Cắt cụt 1 đùi	
- 1/3 trên.....	75%
- 1/3 giữa hoặc dưới.....	65%
75. Cắt cụt 1 chân từ gối xuống (tháo khớp gối).....	65%
76. Tháo khớp cổ chân hoặc mất 1 bàn chân	60%
77. Mất xương sên.....	37%
78. Mất xương gót	40%
79. Mất đoạn xương chày, mác gãy khớp giả cẳng chân	40%
80. Mất đoạn xương mác.....	25%
81. Mất mắt cá chân	
- Mắt cá ngoài	12%
- Mắt cá trong.....	17%
82. Mất cả 5 ngón chân	50%
83. Mất 4 ngón cả ngón cái	42%
84. Mất 4 ngón trừ ngón cái	40%
85. Mất 3 ngón 3 - 4 - 5	27%
86. Mất 3 ngón 1 - 2 - 3	32%
87. Mất 1 ngón cái và ngón 2	22%
88. Mất 1 ngón cái.....	17%
89. Mất 1 ngón ngoài ngón cái.....	12%
90. Mất 1 đốt ngón cái.....	10%
91. Cứng khớp háng	50%
92. Cứng khớp gối.....	35%
93. Mất phần lớn xương bánh chè và giới hạn nhiều khả năng duỗi cẳng chân trên đùi	50%
94. Gãy chân can lệch hoặc mất xương làm ngắn chi	
- ít nhất 5 cm.....	42%
- từ 3 đến dưới 5 cm.....	37%
95. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo ngoài	40%

96. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo trong 30%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

97. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường 20%
98. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường 30%
99. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, không phẫu thuật, can xấu, trục lệch, chân dạng hoặc khép, teo cơ 30%
100. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, có phẫu thuật, can xấu, trục lệch, chân dạng hoặc khép, teo cơ 40%
101. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng 25%
102. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng..... 35%
103. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo, đi đau, teo cơ 35%
104. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo, đi đau, teo cơ 45%
105. Gãy cổ xương đùi, không phẫu thuật, di chứng khớp giả cổ xương đùi 45%
106. Gãy cổ xương đùi, có phẫu thuật, di chứng khớp giả cổ xương đùi 55%
107. Gãy 2 xương cẳng chân, không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng 20%
108. Gãy 2 xương cẳng chân, có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng..... 25%
109. Gãy 2 xương cẳng chân, không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo..... 25%
110. Gãy 2 xương cẳng chân, có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo..... 30%
111. Gãy xương chày, không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng..... 15%
112. Gãy xương chày, có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng 18%
113. Gãy xương chày, không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo 18%
114. Gãy xương chày, có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo 22%
115. Gãy đoạn mâm chày, không phẫu thuật 15%
116. Gãy đoạn mâm chày, có phẫu thuật 25%
117. Gãy xương mác, không phẫu thuật..... 10%
118. Gãy xương mác, có phẫu thuật..... 20%
119. Đứt gân bánh chè, cơ năng khớp gối tốt..... 15%
120. Đứt gân bánh chè, hạn chế cơ năng khớp gối 25%
121. Gãy xương bánh chè, không phẫu thuật 10%
122. Gãy xương bánh chè, có phẫu thuật 20%
123. Gãy xương bánh chè không phẫu thuật, bị cứng khớp gối hoặc teo cơ tứ đầu 25%
124. Gãy xương bánh chè có phẫu thuật, bị cứng khớp gối hoặc teo cơ tứ đầu 25%
125. Đứt gân Achille, cơ năng vùng gót chân tốt..... 15%
126. Đứt gân Achille, cơ năng vùng gót chân bị hạn chế..... 20%
127. Gãy xương đốt bàn (tùy theo mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tương ứng 2%)...7 - 15%
128. Gãy xương gót, không phẫu thuật 15%
129. Gãy xương gót, có phẫu thuật 20%
130. Gãy xương ngón chân (tùy mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tương ứng 2%)..... 4 - 12%
131. Gãy ngành ngang xương mu, không dập niệu đạo 25%
132. Gãy ngành ngang xương mu, có dập niệu đạo 32%
133. Gãy ụ ngồi 25%
134. Gãy cánh xương chậu 1 bên, không điều trị chỉnh hình..... 20%
135. Gãy cánh xương chậu 1 bên, có điều trị chỉnh hình..... 30%
136. Gãy xương chậu 2 bên, liền xương tốt, không méo xương chậu..... 40%
137. Gãy xương chậu 2 bên, méo xương chậu ảnh hưởng đến sinh đẻ..... 55%

138. Gãy xương cùn, không phẫu thuật, không rối loạn cơ tròn.....	10%
139. Gãy xương cùn, có phẫu thuật, không rối loạn cơ tròn	15%
140. Gãy xương cùn, không phẫu thuật, có rối loạn cơ tròn	25%
141. Gãy xương cùn, có phẫu thuật, có rối loạn cơ tròn	35%

Cột Sống

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

142. Cắt bỏ cung sau của 1 đốt sống	35%
143. Cắt bỏ cung sau của 2 - 3 đốt sống trở lên	50%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

144. Gãy xẹp thân 1 đốt sống, không phẫu thuật, không liệt tủy	30%
145. Gãy xẹp thân 1 đốt sống, có phẫu thuật, không liệt tủy	40%
146. Gãy xẹp thân 2 đốt sống trở lên, không phẫu thuật, không liệt tủy.....	50%
147. Gãy vỡ mồm gai hoặc mồm bên của 1 đốt sống, không phẫu thuật.....	10%
148. Gãy vỡ mồm gai hoặc mồm bên của 1 đốt sống, có phẫu thuật.....	17%
149. Gãy vỡ mồm gai hoặc mồm bên của 2 - 3 đốt sống, không phẫu thuật	25%
150. Gãy vỡ mồm gai hoặc mồm bên của 2 - 3 đốt sống, có phẫu thuật	45%

Sọ Não

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

151. Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính dưới 6 cm.....	30%
152. Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính từ 6 đến 10 cm..	50%
153. Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính trên 10 cm	60%
154. Rối loạn ngôn ngữ do ảnh hưởng của vết thương đại não:	
- nói ngọng , nói lắp, nói khó khăn ảnh hưởng đến giao tiếp.....	35%
- không nói được (câm) do tổn hại vùng Broca	65%
- mất khả năng giao dịch bằng chữ viết, mất nhận biết về ngôn ngữ do tổn hại vùng Werricke.....	60%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

155. Lột da đầu toàn bộ (1 phần theo tỷ lệ).....	50%
156. Vết thương sọ não hở, xương bị nứt rạn.....	45%
157. Vết thương sọ não hở , lún xương sọ	45%
158. Vết thương sọ não hở , nhiều mảnh xương đi sâu vào não	55%
159. Chấn thương sọ não kín, gãy xương vòm sọ (đường rạn nứt thường, lõm hoặc lún xương), không điều trị phẫu thuật.....	20%
160. Chấn thương sọ não kín, gãy xương vòm sọ (đường rạn nứt thường, lõm hoặc lún xương), có điều trị phẫu thuật	30%
161. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ không liệt dây thần kinh ở nền sọ, không điều trị phẫu thuật.....	30%
162. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ không liệt dây thần kinh ở nền sọ, có điều trị phẫu thuật.....	40%
163. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ có liệt dây thần kinh ở nền sọ, không điều trị phẫu thuật.....	40%

164. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ có liệt dây thần kinh ở nền sọ, có điều trị phẫu thuật.....	50%
165. Chấn thương sọ não gây chấn động não.....	15%
166. Chấn thương sọ não gây phù não.....	50%
167. Chấn thương sọ não gây giập não, dẹt não.....	55%
168. Chấn thương sọ não gây chảy máu khoang dưới nhện.....	50%
169. Chấn thương sọ não gây máu tụ trong sọ (ngoài màng cứng, trong màng cứng, trong não).....	40%

Lồng Ngực

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

170. Cắt bỏ 1 - 2 xương sườn.....	17%
171. Cắt bỏ 3 xương sườn (mỗi xương sườn cắt bỏ trên 03 xương sườn tăng thêm 5%).....	25%
172. Cắt bỏ đoạn mỗi xương sườn (mỗi đoạn xương sườn cắt bỏ thêm tăng 3%).....	8%
173. Cắt toàn bộ 1 bên phổi.....	75%
174. Cắt nhiều thùy phổi ở 2 bên, dung tích sống giảm trên 50%.....	70%
175. Cắt nhiều thùy phổi ở 1 bên.....	55%
176. Cắt 1 thùy phổi.....	40%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

177. Gãy 1 - 2 xương sườn, không phẫu thuật.....	7%
178. Gãy 1 - 2 xương sườn, có phẫu thuật.....	12%
179. Gãy 3 xương sườn trở lên, không phẫu thuật.....	15%
180. Gãy 3 xương sườn trở lên, có phẫu thuật.....	25%
181. Gãy xương ức đơn thuần, không phẫu thuật (chức năng tim và hô hấp bình thường)....	15%
182. Gãy xương ức đơn thuần, có phẫu thuật (chức năng tim và hô hấp bình thường).....	25%
183. Mỡ hoặc rạn nứt xương ức.....	12%
184. Trần dịch, khí, máu màng phổi (chỉ chọc hút đơn thuần).....	8%
185. Trần khí, máu màng phổi (phải dẫn lưu, mổ cầm máu).....	25%
186. Tồn thương các van tim, vách tim do chấn thương (chưa suy tim).....	55%
187. Khâu màng ngoài tim, phẫu thuật kết quả hạn chế.....	65%
188. Khâu màng ngoài tim, phẫu thuật kết quả tốt.....	40%

Bụng

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

189. Cắt toàn bộ dạ dày.....	80%
190. Cắt đoạn dạ dày.....	55%
191. Cắt gần hết ruột non (còn lại dưới 1 m).....	80%
192. Cắt đoạn ruột non.....	45%
193. Cắt toàn bộ đại tràng.....	80%
194. Cắt đoạn đại tràng.....	55%
195. Cắt bỏ gan phải đơn thuần.....	75%
196. Cắt bỏ gan trái đơn thuần.....	65%
197. Cắt ½ của một thùy gan.....	60%



198. Cắt 1/3 của một thùy gan.....	40%
199. Cắt dưới 1/3 của một thùy gan.....	30%
200. Cắt bỏ túi mật.....	50%
201. Cắt bỏ lá lách.....	45%
202. Cắt bỏ đuôi tụy, lách.....	65%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

203. Khâu lỗ thủng dạ dày.....	30%
204. Khâu lỗ thủng ruột non (có thể 1 hay nhiều lỗ thủng).....	35%
205. Khâu lỗ thủng đại tràng (có thể 1 hay nhiều lỗ thủng).....	35%
206. Đụng dập gan, khâu gan.....	40%
207. Khâu vỡ lách.....	25%
208. Khâu tụy.....	32%

Cơ quan tiết niệu, sinh dục

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

209. Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bình thường.....	55%
210. Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bị tổn thương hoặc bệnh lý.....	75%
211. Cắt 1 phần thận trái hoặc phải.....	35%
212. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người dưới 55 tuổi chưa con.....	75%
213. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người dưới 55 tuổi đã có con rồi.....	60%
214. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người từ 55 tuổi trở lên.....	40%
215. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người dưới 45 tuổi chưa con.....	65%
216. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người dưới 45 tuổi đã có con.....	35%
217. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người từ 45 tuổi trở lên.....	27%
218. Cắt vú ở nữ dưới 45 tuổi 1 bên.....	25%
219. Cắt vú ở nữ dưới 45 tuổi 2 bên.....	50%
220. Cắt vú ở nữ từ 45 tuổi trở lên 1 bên.....	17%
221. Cắt vú ở nữ từ 45 tuổi trở lên 2 bên.....	35%
222. Cắt 1 phần bàng quang.....	30%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

223. Chấn thương thận nhẹ (không phải xử lý đặc hiệu, theo dõi dưới 5 ngày).....	6%
224. Chấn thương thận trung bình (phải dùng thuốc đặc trị, theo dõi trên 5 ngày).....	12%
225. Chấn thương thận nặng (có đụng dập, phải can thiệp ngoại khoa).....	50%
226. Mổ thông bàng quang vĩnh viễn.....	75%
227. Khâu lỗ thủng bàng quang (có thể một hay nhiều lỗ thủng).....	32%

Mắt

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

228. Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt, không lắp được mắt giả.....	60%
229. Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt, lắp được mắt giả.....	55%
230. Một mắt thị lực còn đến 1/10.....	37%
231. Một mắt thị lực còn từ 2/10 đến 4/10.....	15%

232. Một mắt thị lực còn từ 5/10 đến 7/10	10%
233. Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt nhưng trước khi xảy ra tai nạn này đã mất hoặc mù 1 mắt rồi.....	90%

Tai – Mũi – Họng

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

234. Điếc 2 tai hoàn toàn không phục hồi được	80%
235. Điếc 2 tai nặng (nói to hoặc thét vào tai còn nghe được).....	65%
236. Điếc 2 tai vừa (nói to 1 - 2 m còn nghe được).....	40%
237. Điếc 2 tai nhẹ (nói to từ trên 2 - 4 m còn nghe được)	20%
238. Điếc 1 tai hoàn toàn không phục hồi được	35%
239. Điếc 1 tai mức độ vừa	15%
240. Điếc 1 tai mức độ nhẹ.....	8%
241. Mất vành tai 2 bên	30%
242. Mất vành tai 1 bên	15%
243. Sẹo rúm vành tai, chít hẹp ống tai	20%
244. Mất mũi hoàn toàn.....	40%
245. Biến dạng mũi	18%
246. Vết thương họng sẹo hẹp ảnh hưởng đến nuốt.....	30%

Răng - Hàm - Mặt

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

247. Mất toàn bộ xương hàm trên và một phần xương hàm dưới từ cạnh cao trở xuống khác bên.....	85%
248. Mất toàn bộ xương hàm trên và một phần xương hàm dưới từ cạnh cao trở xuống cùng bên	75%
249. Mất toàn bộ xương hàm trên hoặc dưới	75%
250. Mất 1 phần xương hàm trên hoặc 1 phần xương hàm dưới từ 1/3 đến 1/2 bị mất từ cạnh cao trở xuống	40%
251. Khớp hàm giả do không liền xương hay khuyết xương	22%
252. Mất răng trên 8 cái không lắp được răng giả.....	35%
253. Mất răng trên 8 cái lắp được răng giả.....	25%
254. Mất từ 5 đến 8 răng	20%
255. Mất từ 3 đến 4 răng	10%
256. Mất từ 1 đến 2 răng	4%
257. Mất 3/4 lưỡi còn gốc lưỡi (từ đường gai V trở ra)	80%
258. Mất 2/3 lưỡi từ đầu lưỡi	55%
259. Mất 1/3 lưỡi ảnh hưởng đến phát âm	20%
260. Mất 1 phần nhỏ lưỡi (dưới 1/3) ảnh hưởng đến phát âm	10%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

261. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, không phẫu thuật, cơ năng các khớp tốt	20%
262. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, có phẫu thuật, cơ năng các khớp tốt	25%
263. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, không phẫu thuật, di chứng can xấu gây sai khớp nhai, ăn khó	30%

264. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, có phẫu thuật, di chứng can xẩu gây sai khớp nhai, ăn khó 35%
265. Gãy xương gò má, cung tiếp xương hàm trên hoặc xương hàm dưới gây rối loạn nhẹ khớp cắn và chức năng nhai 20%

Vết Thương Phần Mềm – Bỏng

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

266. Vết thương phần mềm (VTPM) là các vết cắt, chém bề rộng dưới 2 cm gây rách da, rách niêm mạc...không ảnh hưởng đến cơ năng, chiều dài:
- Từ 2 cm – 4 cm 2%
 - Từ trên 4 cm – 7 cm 3%
 - Từ trên 7 cm – 10 cm 4%
 - Từ trên 10 cm – 15 cm 5%
 - Trên 15 cm 7%
267. Vết thương phần mềm là các tổn thương dập nát, không để lại di chứng, diện tích:
- Dưới 9 cm² 2%
 - Từ 9 cm² đến 12 cm² 3%
 - Từ trên 12 cm² đến 16 cm² 4%
 - Từ trên 16 cm² đến 24 cm² 6%
 - Từ trên 24 cm² đến 30 cm² 8%
 - Từ trên 30 cm² đến 35 cm² 10%
 - Trên 35 cm² 12%
- (Nếu các vết thương trên do súc vật gây ra thì cộng thêm 1% vào tỷ lệ ở trên)
268. Vết thương phần mềm gây bong gân ở các khớp cổ chân, khớp gối, khớp háng, khớp cổ tay, khớp khuỷu, khớp vai 4%
269. Vết thương phần mềm gây trật khớp ở các khớp bàn ngón tay và bàn ngón chân 2%
270. Vết thương phần mềm gây trật khớp ở các khớp cổ chân, khớp gối, khớp háng, khớp cổ tay, khớp khuỷu, khớp vai 7%
271. Bỏng nông (độ I, độ II)
- diện tích dưới 5% 4%
 - diện tích từ 5 - 15% 12%
 - diện tích trên 15% 20%
272. Bỏng sâu (độ III, độ IV)
- diện tích dưới 5% 22%
 - diện tích từ 5 - 15% 40%
 - diện tích trên 15% 70%

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

273. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 để lại di chứng đau, rát, tê, co, kéo lâu dài sau khi liền vết thương: cộng thêm 5% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên
274. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 ảnh hưởng đến mạch máu lớn, thần kinh: cộng thêm 10% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên
275. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 nhưng là vết thương ở ngực, bụng, sau khi liền vết thương để lại di chứng ảnh hưởng đến hô hấp: cộng thêm 20% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên.

276. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 để lại di chứng sẹo cơ cứng làm biến dạng mặt gây trở ngại đến ăn, nhai và cử động cổ: cộng thêm 30% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên.
277. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 để lại khuyết hồng lớn ở chung quanh hốc miệng, ảnh hưởng nhiều đến ăn uống: cộng thêm 35% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên.
278. Mất 1 phần hàm ếch làm thông giữa mũi và miệng 25%

NGUYÊN TẮC TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

Việc trả tiền bảo hiểm theo bảng này sẽ căn cứ trên các chứng từ điều trị của khách hàng cung cấp, kết luận của bác sĩ và tuân theo những nguyên tắc sau đây:

1. Mất hẳn chức năng của từng bộ phận hoặc hồng vĩnh viễn chỉ được coi như mất từng bộ phận đó hoặc mất chi.
2. Những trường hợp thương tật không liệt kê trong bảng sẽ được bồi thường theo tỉ lệ trên cơ sở so sánh tính nghiêm trọng của nó với những trường hợp khác có trong bảng.
3. Trường hợp có nhiều thương tật, tiền bảo hiểm được trả cho từng thương tật tương ứng nhưng tổng số tiền trả cho Người được bảo hiểm không vượt quá số tiền bảo hiểm. Trường hợp có nhiều thương tật ở cùng cùng một chi, tổng số tiền trả cho các thương tật không được vượt quá tỷ lệ mất chi đó.

